ĐẠI HỌC DUY TÂN
TRUNG TÂM TIN HỌC

BẢNG ĐIỂM HỌC VIÊN DỰ THI ĐỢT ĐỢT 1 THÁNG 10/2026
CHỨNG CHỈ ỨNG DỤNG CNTT CHUẨN NÂNG CAO

Thời gian: 13h00 * Ngày thi: 17/10/2026

Ghi chú: Các học viên có kết quả "Không đạt" phải tự theo dõi lịch thi các đợt tiếp theo và đăng ký thi lại các phần thi được tô màu đỏ(không đạt phần thi nào thì thi lại phần thi đó). Phần Cơ bản không đạt sẽ bị hủy điểm thi phần Nâng cao theo đúng nội dung thông báo.

TT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ	TÊN	NGÀY SINH	NƠI SINH	LỚP	ĐIỂM THI			GHI CHÚ
							KTC	THUD	KẾT QUẢ	
1	29212744558	Hồ Thanh	An	27/06/2005	Thừa Thiên H	32THT8	8.7	6.0	Đạt	
2	28204751711	Lê Thị	An	25/04/2004	Đắk Lắk	32CBN5	9.7	9.0	Đạt	
3	28212300412	Nguyễn Ngọc	An	29/10/2004	Gia Lai	31TBN12	6.3	4.3	Không Đạt	
4	29202753853	Lê Thị Vân	Anh	04/07/2005	Đà Nẵng	32THT8	9.0	5.0	Đạt	
5	28217335352	Nguyễn Huy Hoàng	Anh	16/09/2004	Nghệ An	32CBN5	2.7	1.9	Không Đạt	
6	28209306717	Huỳnh Thị Ngọc	Ánh	05/10/2004	Đà Nẵng	32CBN5	6.7	4.0	Không Đạt	
7	28212300678	Nguyễn Quốc	Bảo	10/10/2004	Quảng Ngãi	32TBN7	7.7	5.0	Đạt	
8	28204304503	Nguyễn Hồ Trân	Châu	27/09/2004	Thừa Thiên H	31CSC1	5.3	5.9	Đạt	
9	28207404047	Hoàng Thị Minh	Châu	23/11/2004	Nghệ An	32CHT4	9.3	6.0	Đạt	
10	29218153771	Trần Thanh	Đạt	24/05/2005	Quảng Nam	32TBN7	6.7	4.3	Không Đạt	
11	28214603543	Nguyễn Tâm	Điền	12/05/2004	Quảng Trị	32CBN5	7.7	5.4	Đạt	
12	28217353004	Lăng Hải	Dương	16/09/2004	Lâm Đồng	32TYC4	9.0	5.3	Đạt	
13	28212340358	Trần Xuân	Dưỡng	30/03/2004	Quảng Nam	32TBN6	6.0	5.4	Đạt	
14	29207330514	Nguyễn Hương	Giang	09/12/2005	Đà Nẵng	32THT8	9.0	8.8	Đạt	
15	30205150456	Nguyễn Thị Cẩm	Giang	12/10/2005	Quảng Ngãi	32TBN7	10.0	6.8	Đạt	
16	29206243056	Nguyễn Thị Thúy	Giang	15/07/2005	Quảng Ngãi	32THT8	6.0	5.0	Đạt	
17	28209305849	Võ Thị Thu	Hà	14/07/2004	Quảng Nam	31TBN19	7.7	5.8	Đạt	
18	30204622925	Bùi Thanh	Hân	12/08/2006	Phú Yên	32CBN5	4.7	6.0	Không Đạt	
19	29214624722	Nguyễn Ngọc	Hiếu	27/02/2001	Quảng Bình	32TBN3	6.3	3.3	Không Đạt	
20	28212346768	Võ Xuân	Hoà	11/10/2004	Bình Định	32THT8	6.3	4.0	Không Đạt	
21	28205204625	Lê Thị	Hoài	28/09/2004	Gia Lai	31THT14	5.7	5.1	Đạt	
22	28206500648	Trịnh Thị Quý	Hoài	03/01/2004	Quảng Nam	32TBN7	8.3	5.0	Đạt	
23	29214552684	Huỳnh Văn	Hoàng	07/09/2005	Đà Nẵng	32THT8	7.7	5.6	Đạt	
24	29206562208	Lê Thị Kim	Hoàng	04/07/2005	Quảng Nam	32TBN7	8.3	6.6	Đạt	
25	27215401710	Huỳnh Quốc	Huy	05/12/2003	Quảng Nam	32CBN5	5.0	4.0	Không Đạt	
26	28210241709	Trần Minh	Hy	16/11/2004	Quảng Nam	32TBN7	7.0	5.9	Đạt	
27	28217402392	Trần Ngọc	Khải	06/01/2004	Nghệ An	32SBN4	9.0	5.3	Đạt	
28	29215135905	Trần Thanh	Khiêm	08/02/2005	Quảng Ngãi	32THT8	7.0	5.0	Đạt	
29	26217226067	Trần Đoàn Anh	Khoa	18/11/2000	Đà Nẵng	32CBN5	8.3	7.3	Đạt	
30	29212339911	Trần Duy Quang	Khuê	10/02/2005	Đắk Lắk	32THT8	10.0	8.8	Đạt	
31	28207403331	Nguyễn Vũ Thiên	Kim	10/01/2004	Cà Mau	32CHT4	9.3	6.0	Đạt	
32	28207400281	Đoàn Thị Thùy	Linh	09/01/2004	Nam Định	32CHT4	8.3	5.1	Đạt	

Ghi chú: Các học viên có kết quả "Không đạt" phải tự theo dõi lịch thi các đợt tiếp theo và đăng ký thi lại các phần thi được tô màu đỏ(không đạt phần thi nào thì thi lại phần thi đó). Phần Cơ bản không đạt sẽ bị hủy điểm thi phần Nâng cao theo đúng nội dung thông báo.

TT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ	TÊN	NGÀY SINH	NƠI SINH	LỚP	ĐIỂM THI			GHI CHÚ
							KTC	THUD	KẾT QUẢ	
33	29206243598	Phạm Thị Thu	Linh	25/03/2005	Gia Lai	32THT8	9.3	5.5	Đạt	
34	28212726892	Nguyễn Hoàng	Long	19/10/2004	Đà Nẵng	32CBN5	8.0	7.9	Đạt	
35	27211637129	Nguyễn Thành	Long	15/06/2003	Quảng Ngãi	31TYC6	6.0	9.3	Đạt	
36	30212457599	Nguyễn Thành	Long	07/03/2006	Hà Tĩnh	32THT6	5.3	3.6	Không Đạt	
37	28214637190	Nguyễn Hữu	Lực	24/02/2004	Đà Nẵng	31THT14	8.7	5.0	Đạt	
38	28202751828	Phạm Thị	Mai	05/01/2004	Nghệ An	32CBN5	7.0	10.0	Đạt	
39	062085000123	Nguyễn Hữu	Minh	10/06/1985	Quảng Ngãi	32TBN7	V	V	Không Đạt	
40	28217400522	Trần Hải	Nam	30/01/2004	Bình Định	32CBN5	4.7	2.4	Không Đạt	
41	28206226888	Đinh Thanh	Nga	28/04/2004	Đà Nẵng	32CBN5	8.0	4.0	Không Đạt	
42	26203523355	Phạm Quỳnh	Nga	05/09/2002	Đà Nẵng	32TSC3	7.7	5.8	Đạt	
43	28206141573	Nguyễn Thị Kim	Ngân	29/10/2004	Đà Nẵng	32THT8	9.3	7.5	Đạt	
44	30206753926	Thi Thị Bảo	Ngân	21/05/2006	Quảng Nam	32CBN4	5.0	3.4	Không Đạt	
45	29205146444	Đậu Vĩnh	Nghi	16/06/2005	Gia Lai	32THT8	9.7	6.0	Đạt	
46	28207452607	Nguyễn Mai	Nguyên	15/05/2003	Gia Lai	32TSC5	9.0	5.8	Đạt	
47	30206533318	Đoàn Thị Yến	Nhi	27/02/2006	Quảng Bình	32THT8	9.3	2.5	Không Đạt	
48	29208149303	Lữ Thị Kiều	Nhi	28/12/2005	Quảng Nam	32TYC5	8.3	5.0	Đạt	
49	29209530212	Phạm Thị Yến	Nhi	15/09/2005	Quảng Nam	32TSC5	8.0	5.8	Đạt	
50	28202705207	Trương Thị Ngọc	Nhi	31/07/2004	Thừa Thiên H	32CBN5	10.0	5.9	Đạt	
51	29212359588	Ngô Văn	Nhiên	22/04/2005	Quảng Nam	32THT8	9.0	5.0	Đạt	
52	28207306484	Tạ Phối	Như	26/09/2004	Đà Nẵng	32CBN5	H	H	Không Đạt	
53	28212204195	Nguyễn Nhật	Phi	25/04/2004	Kon Tum	32CYC3	6.3	5.4	Đạt	
54	29218137583	Nguyễn Thanh	Phong	06/07/2005	Bình Định	32TYC5	9.7	1.5	Không Đạt	
55	28207402745	Hoàng Lưu Thu	Phương	26/03/2004	Thanh Hóa	32SBN4	7.7	6.5	Đạt	
56	28207347245	Trần Thị	Phượng	01/12/2004	Hà Tĩnh	32CHT4	8.7	6.8	Đạt	
57	29212360297	Trần Minh	Quyến	03/09/2005	Quảng Trị	32THT8	7.3	8.4	Đạt	
58	29206759013	Lê Trần Như	Quỳnh	11/05/2005	Đà Nẵng	32THT8	8.0	8.8	Đạt	
59	27218230344	Bùi Văn	Sơn	20/02/2003	Quảng Ngãi	32THT8	V	V	Không Đạt	
60	29206730033	Đoàn Thị Thu	Sương	25/10/2005	Đà Nẵng	32THT8	9.3	8.9	Đạt	
61	28214650392	Trần Xuân	Thái	30/06/2004	Quảng Bình	32TSC1	5.7	5.4	Đạt	
62	27202138928	Trần Thị Mỹ	Thắm	27/09/2003	Thừa Thiên H	30TBN4	V	V	Không Đạt	
63	29214320051	Đỗ Văn Hữu	Thắng	11/04/2005	Thừa Thiên H	32TBN4	6.0	3.3	Không Đạt	
64	26211235902	Lê Đức	Thành	31/08/2002	Quảng Bình	32TBN7	7.7	5.4	Đạt	
65	29218050157	Bùi Thị Phương	Thảo	16/09/2005	Quảng Nam	32TBN7	8.7	5.8	Đạt	
66	29208055427	Nguyễn Thị	Thảo	14/10/2005	Quảng Nam	32TBN7	8.3	6.8	Đạt	
67	28206550297	Võ Thị Ái	Thơ	17/08/2004	Quảng Nam	32TBN6	9.7	5.0	Đạt	

Ghi chú: Các học viên có kết quả "Không đạt" phải tự theo dõi lịch thi các đợt tiếp theo và đăng ký thi lại các phần thi được tô màu đỏ(không đạt phần thi nào thì thi lại phần thi đó). Phần Cơ bản không đạt sẽ bị hủy điểm thi phần Nâng cao theo đúng nội dung thông báo.

TT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ	TÊN	NGÀY SINH	NƠI SINH	LỚP	ĐIỂM THI			GHI CHÚ
							KTC	THUD	KẾT QUẢ	
68	28208002104	Lê Uyên	Thư	27/09/2004	Đà Nẵng	32THT8	**9.0**	**5.0**	**Đạt**	
69	30207141853	Trần Hoàng Anh	Thư	25/12/2006	Bình Định	32CBN5	**9.3**	**7.0**	**Đạt**	
70	29208064944	Trần Thị Anh	Thư	22/06/2005	Quảng Nam	32CBN5	**9.7**	**8.0**	**Đạt**	
71	29212725119	Nguyễn Quang	Thuận	29/10/2005	Đà Nẵng	32THT8	**5.7**	**5.3**	**Đạt**	
72	29208063585	Dương Thị	Thúy	08/09/2005	Quảng Nam	32SSC3	**9.0**	**5.4**	**Đạt**	
73	29205135017	Cao Thị Thanh	Thùy	26/10/2005	Quảng Nam	32THT8	**9.0**	**6.3**	**Đạt**	
74	28212300385	Trần Đức	Tính	24/10/2004	Bình Định	32TBN7	**4.7**	**7.5**	**Không Đạt**	
75	29202736916	Lê Quỳnh	Trâm	27/09/2005	Thanh Hóa	32THT8	**6.3**	**7.0**	**Đạt**	
76	30204626492	Hoàng Bảo	Trân	11/12/2006	Hồ Chí Minh	32SBN4	**8.0**	**5.0**	**Đạt**	
77	30206553615	Trần Thị Thùy	Trang	12/09/2006	Đà Nẵng	32CBN5	**8.3**	**5.5**	**Đạt**	
78	29206523128	Trương Thị Thảo	Trang	28/07/2005	Quảng Nam	32TBN7	**9.0**	**8.5**	**Đạt**	
79	29208062798	Nguyễn Thị Mỹ	Trinh	01/05/2005	Quảng Nam	32TBN7	**9.0**	**5.6**	**Đạt**	
80	28217252274	Mã Trường	Trung	25/01/2003	Nghệ An	32CBN5	**7.3**	**5.0**	**Đạt**	
81	29216564640	Nguyễn Anh	Tuấn	22/09/2005	Hà Tĩnh	32SYC3	**8.7**	**6.4**	**Đạt**	
82	27203350261	Lê Thị	Uyên	13/10/2003	Quảng Trị	30THT15	**6.7**	**7.0**	**Đạt**	
83	28207453228	Nguyễn Ngọc Nhã	Uyên	10/10/2004	Gia Lai	32CHT4	**8.0**	**5.0**	**Đạt**	
84	24207214504	Nguyễn Thị Thanh	Uyên	07/09/2000	Đà Nẵng	32TBN7	**7.7**	**8.4**	**Đạt**	
85	29206558277	Nguyễn Trần Phương	Uyên	02/02/2005	Đà Nẵng	32CBN5	**8.3**	**6.3**	**Đạt**	
86	28202703770	Trần Thị Mỹ	Uyên	14/06/2004	Đắk Lắk	32CBN5	**10.0**	**6.3**	**Đạt**	
87	29212556396	Lê Nguyễn Anh	Vương	07/03/2005	Quảng Nam	32TBN7	**7.7**	**8.5**	**Đạt**	
88	28207404052	Đinh Nữ Tường	Vy	27/02/2004	Quảng Trị	32CHT4	**4.3**	**2.3**	**Không Đạt**	

TRUNG TÂM TIN HỌC

(Đã ký)

Dương Trương Quốc Khánh